

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15-03-2018.

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoài Sơn

Bà Hà Thị Minh Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi và anh Đ kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 13/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên uống rượu và đánh tôi, vì con tôi nhỏ cố chịu đựng từ năm 2013 cho đến tháng 8/2015 thì chúng tôi mới sống ly thân nhau. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân nhau không

ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 02 cháu: Lê Hồng P, sinh ngày 30/4/2002; Lê Hồng H, sinh ngày 10/8/2011. Khi ly hôn cháu P có nguyện vọng ở với anh Đ. Tôi đồng ý. Anh Đ có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày: Tôi và chị H kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 13/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cách đây một năm và vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau một năm nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị H xin ly hôn. Tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu: Lê Hồng P, sinh ngày 30/4/2002; Lê Hồng H, sinh ngày 10/8/2011. Khi ly hôn cháu P có nguyện vọng ở với ai thì Tòa án giao cho người đó. Tôi có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Đ. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu P và H cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 13 tháng 3 năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên uống rượu và đánh chị, vì con còn nhỏ chị cố chịu đựng từ năm 2013 cho đến tháng 8/2015 thì vợ chồng mới sống ly thân nhau. Hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn anh Đ là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác minh tại thôn xóm lời trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ xảy ra là đúng và hiện nay chị H và anh Đ đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh Đ là có căn cứ.

[4] Về nuôi con chung: Có 02 cháu: Lê Hồng P, sinh ngày 30/4/2002; Lê Hồng H, sinh ngày 10/8/2011. Quan điểm của anh Đ khi ly hôn cháu P có nguyện vọng ở với ai thì Tòa án giao cho người đó và anh có nguyện vọng nuôi cháu H không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H đồng ý anh Đ nuôi hai cháu P và H và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy là phù hợp với quy định của pháp luật và với nguyện vọng của cháu P nên cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là đúng pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hồng P, sinh ngày 30/4/2002 và cháu Lê Hồng H, sinh ngày 10/8/2011. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2013/04707 ngày 30/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng

